

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày: 21 - 6 - 2021

*“V/v Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Lát;
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Bà Bùi Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2021, về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thiện M, sinh năm 1992; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1974 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/02/2021 của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy M cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại theo ủy quyền của ông M là chị Nguyễn Thị Thiện M trình bày:

Vào năm 2016, ông Nguyễn Duy M có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với ông Nguyễn Văn Ph. Hợp đồng chỉ thỏa thuận bằng miệng, giao dịch thông qua sổ giao nhận mà không lập thành văn bản. Theo thỏa thuận, việc mua bán thông qua việc nhân viên giao hàng tận nơi cho ông Ph hoặc ông Ph cho người nhà đến tận kho của ông M để lấy hàng, có sổ theo dõi hàng hóa giao cho hai bên giữ; ông Ph tiến hành giao nhận, kiểm tra, đối chiếu, xác nhận hàng hóa khi nhận hàng. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông Ph phải thanh toán hết tiền hàng kể cả khi tôm bị thất mùa. Trường hợp công nợ cao mà ông Ph không thanh toán thì ông M có quyền cắt hàng và đề nghị ông Ph thanh toán, thời điểm cắt hàng là sau ngày 22/4/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu của ông Ph. Sau khi nhận hàng, ông Ph không có phản đối hay khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận. Tuy nhiên, đến cuối vụ, ông Ph không thanh toán tiền hàng. Ông M đã nhiều lần cử nhân viên đến và yêu cầu ông Ph thanh toán nợ nhưng ông Ph trốn tránh, không thực hiện.

Đến ngày 23/6/2020, hai bên đối chiếu, xác nhận công nợ và ông Ph còn nợ của ông M là 103.901.000đ (một trăm lẻ ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng), ông M đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Ph vẫn không thanh toán số nợ nêu trên.

Nay ông Nguyễn Duy M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph phải thanh toán số nợ gốc là 103.901.000đ (một trăm lẻ ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tương ứng 10%/năm/103.901.000đồng tính từ ngày 24/6/2020 đến ngày 18/02/2021 (07 tháng 25 ngày) là 6.782.425đồng, tổng cộng cả tiền nợ và tiền lãi là 110.683.425đ (một trăm mười triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Tài liệu, chứng cứ do ông M giao nộp là: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và Sổ tạm trú của ông Nguyễn Duy M; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: hộ kinh doanh Th; Đơn yêu cầu về việc xác nhận địa chỉ cư trú và thông tin đương sự, ngày 02/02/2021; Bản gốc Bảng đối chiếu xác nhận công nợ đề ngày

23/6/2020; 09 Tờ giấy bản photo về việc giao nhận hàng hóa; Giấy ủy quyền tham gia tố tụng; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị Thiện M ; Bản gốc sổ giao nhận hàng hóa được đánh số thứ tự từ 1 đến 35.

Bị đơn Nguyễn Văn Ph trình bày: Đúng là từ năm 2016, giữa ông Nguyễn Duy M với ông Ph có giao kết với nhau Hợp đồng mua bán hàng hóa, trước đây, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, có làm sổ giao nhận hàng hóa, thời gian đầu, mua thức ăn nuôi tôm, đến vụ thu hoạch có thanh toán sòng phẳng cho ông M , nhưng do sau này, nuôi tôm thua lỗ mới không có khả năng thanh toán. Đến ngày 23/6/2020, ông Ph có ký xác nhận công nợ là còn nợ của ông M số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 103.901.000đ (một trăm lẻ ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng) nhưng vẫn chưa thanh toán số tiền này cho ông M .

Ông Ph thừa nhận còn nợ của ông M tiền mua thức ăn là 103.901.000đ (một trăm lẻ ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng). Đối với số tiền lãi ông M yêu cầu là 6.782.425đ (sáu triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng), ông Ph cũng đồng ý trả lãi. Ông Ph đồng ý thanh toán tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản và tiền lãi tổng cộng là 110.683.425đ (một trăm mười triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng). Nhưng do hiện nay, ông Ph nuôi tôm thất bại nên không có khả năng thanh toán, ông Ph xin được gia hạn 3 tháng sẽ thanh toán cho ông M 1 lần, mỗi lần là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi dứt số nợ nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác đúng quan hệ tranh chấp là “hợp đồng mua bán tài sản”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Văn Ph phải trả nguyên đơn số tiền gốc là 103.901.000đ (một trăm lẻ ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tương ứng 10%/năm/103.901.000đồng tính từ ngày 24/6/2020 đến ngày

18/02/2021 (07 tháng 25 ngày) là 6.782.425đ (sáu triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng), tổng cộng cả tiền nợ và tiền lãi là 110.683.425đ (một trăm mười triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng); quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Duy M và bị đơn là ông Nguyễn Văn Ph là thực tế và là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn và thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 23/6/2020, hai bên tiến hành làm việc xác nhận công nợ, cũng như quá trình giải quyết vụ án và như tại phiên tòa, hai bên đương sự đều thống nhất xác nhận công nợ là ông Ph nợ của ông M số tiền 103.901.000đ (một trăm lẻ ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng), nhưng không thống nhất được thời gian thanh toán và phương thức thanh toán. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối việc mua bán tài sản và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 103.901.000đ (một trăm lẻ ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét ý kiến của bị đơn xin gia hạn 3 tháng sẽ thanh toán 1 lần, mỗi lần là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi dứt số nợ nêu trên nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[3] Về lãi suất: Trong thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm mà hai bên đã xác nhận mặc dù không thỏa thuận về lãi suất khi chậm thanh toán theo hợp đồng, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu trả lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm là 24/6/2020 đến ngày 18/02/2021 (07 tháng 25 ngày) là 6.782.425đ (sáu triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng). Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp bên mua chậm trả tiền sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Ngày 23/6/2020, hai bên thực hiện đối chiếu công nợ, do đó kể từ ngày 24/6/2020, ông Ph không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi tương ứng với thời gian vi phạm. Tại phiên tòa, ông Ph cũng thống nhất thanh toán số nợ lãi nêu trên cho ông M, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông M có đơn yêu cầu thi hành án, ông Ph còn phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, ông Nguyễn Văn Ph phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Duy M đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ph, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Buộc ông Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ thanh toán cho ông M số tiền nợ là 103.901.000đ (một trăm lẻ ba triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tương ứng 10%/năm/103.901.000đồng tính từ ngày 24/6/2020 đến ngày 18/02/2021 (07 tháng 25 ngày) là 6.782.425đ (sáu triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng), tổng cộng cả tiền nợ và tiền lãi là 110.683.425đ (một trăm mười triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông M có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Văn Ph phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.534.171đ (năm triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi mốt đồng).

- Ông Nguyễn Duy M không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông Nguyễn Duy M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.767.085đ (hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm tám mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 0009335 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU